

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *11* /2024/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày *05* tháng *9* năm 2024

**THÔNG TƯ**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Thông tư số 05/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng mã số sách tiêu chuẩn quốc tế, Thông tư số 22/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm và Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

*Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông);*

*Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in);*

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Thông tư số 05/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng mã số sách tiêu chuẩn quốc tế, Thông tư số 22/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm và Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng mã số sách tiêu chuẩn quốc tế**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 6 như sau:

“d) Năm xuất bản lần đầu;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Cách thức thu hồi mã số ISBN: Chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, trường hợp không thực hiện xuất bản từng tên sách kèm theo mã số ISBN được cấp tại giấy xác nhận đăng ký xuất bản của năm liền trước, nhà xuất bản phải có văn bản nộp lại các mã số ISBN đó cho Cục Xuất bản, In và Phát hành với các thông tin như sau:

STT	Tên sách	Tên tác giả hoặc người biên soạn	Mã số ISBN	Số xác nhận đăng ký xuất bản
1				
2				
...				

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 22/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm**

1. Sửa đổi, bổ sung tên điều và đoạn đầu của Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 1 như sau:

**“Điều 1. Danh mục hàng hóa nhập khẩu trong lĩnh vực in và danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm”**

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu của Điều 1 như sau:

“Thông tư này quy định về Danh mục hàng hóa nhập khẩu trong lĩnh vực in và Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm phục vụ cho việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu, hoạt động đầu tư, áp dụng chính sách thuế, chính sách ưu đãi và các hoạt động khác liên quan tới sản phẩm, hàng hóa:”

2. Bổ sung khoản 1a vào trước khoản 2 của Điều 1 như sau:

“1a. Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo mã số HS và hình thức quản lý nhập khẩu trong lĩnh vực in như sau:

a) Hàng hóa là thiết bị in (không bao gồm linh kiện, phụ kiện) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, được liệt kê, mô tả cụ thể tại Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo mã số HS trong lĩnh vực in dưới đây:

<b>DANH MỤC</b> <b>Hàng hóa nhập khẩu theo mã số HS trong lĩnh vực in</b>		
<b>Mã hàng (Mã HS)</b>	<b>Mô tả hàng hóa trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam quy định tại Thông tư số 31/2022/TT- BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</b>	<b>Mô tả hàng hóa trong lĩnh vực in</b>
<b>84.40</b>	<b>Máy đóng sách, kể cả máy khâu sách</b>	
8440.10	- Máy:	
8440.10.10	- - Hoạt động bằng điện	Máy đóng thép (máy đóng ghim); máy khâu chỉ; máy đóng sách keo nhiệt; máy vào bìa các loại; máy gấp sách (gấp giấy); máy ký mã liên hợp; dây chuyền liên hợp hoàn thiện sản phẩm in
<b>84.41</b>	<b>Các máy khác dùng để sản xuất bột giấy, giấy hoặc bìa, kể cả máy cắt xén các loại</b>	
8441.10	- Máy cắt xén các loại:	
8441.10.10	- - Hoạt động bằng điện	Máy dao cắt (xén) giấy: máy dao 01 mặt, máy dao 03 mặt, máy cắt chia cuộn giấy, máy cắt bế định hình
8441.20.00	- Máy làm túi, bao hoặc phong bì	
8441.30.00	- Máy làm thùng bìa, hộp, hòm, thùng hình ống, hình trống hoặc đồ chứa tương tự, trừ loại máy sử dụng phương pháp đúc khuôn	
<b>84.42</b>	<b>Máy, thiết bị và dụng cụ (trừ loại máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65) dùng để đúc chữ hoặc chế bản, làm khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in ấn khác; khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác; khuôn in, ống in và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ, đã được làm phẳng, nổi vân hạt hoặc đánh bóng)</b>	
8442.50.00	- Khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác, khuôn in, ống in và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ, đã được làm phẳng, nổi vân hạt hoặc đánh bóng)	Máy chế bản bao gồm: Máy ghi phim; máy ghi bản; máy tạo khuôn in Máy tạo khuôn in bao gồm: Máy khắc trực ống đồng, máy phơi bản, máy sấy bản, máy hiện (rửa/trắng) bản, máy gôm bản,

		máy tráng keo dùng trong công nghệ in offset, in flexo, in ống đồng, in letterpress, in lưới (lụa)
<b>84.43</b>	<b>Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng</b>	
	- Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in khác thuộc nhóm 84.42:	
8443.11.00	- - Máy in offset, in cuộn	
8443.12.00	- - Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng (sử dụng giấy với kích thước giấy ở dạng không gấp một chiều không quá 22 cm và chiều kia không quá 36 cm)	Máy in offset, in tờ rời
8443.13.00	- - Máy in offset khác	
8443.14.00	- - Máy in letterpress, in cuộn, trừ loại máy in flexo	Máy in letterpress, in cuộn
8443.15.00	- - Máy in letterpress, trừ loại in cuộn, trừ loại máy in flexo	Máy in letterpress, in tờ rời
8443.16.00	- - Máy in flexo	
8443.17.00	- - Máy in ống đồng	
8443.19.00	- - Loại khác	Máy in lưới (lụa), máy in hybrid; máy in kết hợp dây chuyền hoàn thiện sản phẩm in
	- Máy in khác, máy copy và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau:	
8443.31	- - Máy kết hợp hai hoặc nhiều chức năng in, copy hoặc fax, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:	
	- - - Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun	
8443.31.11	- - - - Loại màu	Máy in phun có chức năng photocopy đa màu
	- - - Máy in-copy, in bằng công nghệ laser	
8443.31.21	- - - - Loại màu	Máy in laser có chức năng photocopy đa màu
	- - - Máy in-copy-fax kết hợp	
8443.31.31	- - - - Loại màu	Máy in có chức năng photocopy đa màu

8443.31.91	---- Máy in-copy-scan-fax kết hợp	Máy in có chức năng photocopy đa màu
8443.32	-- Loại khác, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:	
	--- Máy in phun	
8443.32.21	---- Loại màu	Máy in phun đa màu có tốc độ in trên 60 tờ/phút (khổ A4) hoặc có khổ in trên A3 (thuộc loại sử dụng công nghệ kỹ thuật số được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP)
	--- Máy in laser	
8443.32.31	---- Loại màu	Máy in laser đa màu có tốc độ in trên 60 tờ/phút (khổ A4) hoặc có khổ in trên A3 (thuộc loại sử dụng công nghệ kỹ thuật số được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP)
8443.39	-- Loại khác	
8443.39.10	--- Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc trực tiếp lên bản sao (quá trình tái tạo trực tiếp)	Máy photocopy đa màu
8443.39.20	--- Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc lên bản sao thông qua bước trung gian (quá trình tái tạo gián tiếp)	Máy photocopy đa màu
8443.39.30	--- Máy photocopy khác kết hợp hệ thống quang học	Máy photocopy đa màu
8443.39.40	--- Máy in phun	Máy in phun đa màu có tốc độ in trên 60 tờ/phút (khổ A4) hoặc có khổ in trên A3 (thuộc loại sử dụng công nghệ kỹ thuật số được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 2 Nghị định số

		60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP)
--	--	---

b) Chỉ hàng hóa có mã HS 08 số được liệt kê, mô tả là thiết bị in tại Danh mục hàng hóa nhập khẩu trong lĩnh vực in quy định tại điểm a khoản này mới phải áp dụng thủ tục khai báo nhập khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

Trường hợp quy định về mã HS có sự thay đổi thì áp dụng theo quy định mới về mã HS tương ứng với thiết bị in được liệt kê, mô tả trong Danh mục hàng hóa nhập khẩu trong lĩnh vực in quy định tại điểm a khoản này.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Danh mục hàng hóa theo mã số HS và hình thức quản lý đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.”

**Điều 3. Thay thế, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ của Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Thông tư số 05/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng mã số sách tiêu chuẩn quốc tế và Thông tư số 22/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm**

1. Thay thế một số cụm từ tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm như sau:

a) Thay thế cụm từ “Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính” bằng cụm từ “Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” tại Mục I.1 Danh mục hàng hóa theo mã số HS và hình thức quản lý đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm.

b) Thay thế cụm từ “Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản” bằng cụm từ “Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)” tại Mục I.2 và Mục I.3.”

2. Bãi bỏ Điều 2 và Điều 6 của Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

3. Bãi bỏ Điều 3; các điểm h, i, k và m khoản 1 Điều 6; cụm từ “góc dưới bên phải” tại điểm a khoản 1 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 05/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng mã số sách tiêu chuẩn quốc tế.

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số sản phẩm thuộc nhóm 2.1.2 tại Phụ lục số 02 Danh mục sản phẩm phần cứng, điện tử ban hành kèm theo Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)**

1. Sửa đổi, bổ sung tên một số sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm 2.1.2 trong Danh mục sản phẩm phần cứng, điện tử:

a) “Máy in laser” thành “Máy in laser, trừ loại đa màu có tốc độ in từ 60 tờ/phút (khổ A4) trở xuống hoặc có khổ in từ A3 trở xuống”, tại số thứ tự 06;

b) “Máy in phun” thành “Máy in phun, trừ loại đa màu có tốc độ in từ 60 tờ/phút (khổ A4) trở xuống hoặc có khổ in từ A3 trở xuống”, tại số thứ tự 08;

c) “Máy photocopy đơn và đa chức năng (đen trắng hoặc màu)” thành “Máy photocopy đơn và đa chức năng (đen trắng)”, tại số thứ tự 09.

2. Bãi bỏ một số sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm 2.1.2 ra khỏi Danh mục sản phẩm phần cứng, điện tử:

a) “Máy in offset, in cuộn”, tại số thứ tự 01;

b) “Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng”, tại số thứ tự 02;

c) “Máy in offset khác”, tại số thứ tự 03;



d) “Máy in nổi, in cuộn, trừ máy loại máy in nổi bằng khuôn mềm”, tại số thứ tự 04;

đ) “Máy in nổi bằng khuôn mềm”, tại số thứ tự 05;

e) “Máy phơi bản tự động”, tại số thứ tự 12;

g) “Máy ghi bản in CTP”, tại số thứ tự 13.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2024.

2. Đối với hồ sơ thực hiện thủ tục khai báo nhập khẩu thiết bị in, nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh được gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nhưng thời hạn giải quyết thủ tục đó chậm nhất cùng ngày hoặc sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì không áp dụng các quy định có liên quan tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, trường hợp có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Cục Xuất bản, In và Phát hành) để xem xét, giải quyết. /

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Công TTĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Lưu: VT, CXBIPH (250).

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Mạnh Hùng**